

Số: 304 /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành phương án điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2023 của Tổng cục Thống kê;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023.

Điều 2. Các đối tượng sử dụng thông tin thống kê có quyền và nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình sử dụng, mức độ hài lòng và nhu cầu thông tin thống kê theo phiếu điều tra.

Điều 3. Giao Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện cuộc điều tra theo đúng Phương án quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng Bộ KHĐT (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, Vụ TKTH.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương



PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA

Nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 304./QĐ-TCTK, ngày 15 tháng 3 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê được thực hiện nhằm mục đích:

- Đánh giá mục tiêu của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Giảm tỷ lệ không hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê).

- Thu thập các thông tin để đánh giá tình hình sử dụng và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê do Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi cục Thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố và Chi cục Thống kê khu vực (sau đây viết gọn là ngành Thống kê) đã và đang phổ biến, cung cấp hiện nay.

- Tìm hiểu nhu cầu về thông tin thống kê của các đối tượng sử dụng để có cơ sở nâng cao chất lượng số liệu thống kê, đồng thời đẩy mạnh và hoàn thiện hoạt động sản xuất, phổ biến thông tin thống kê trong thời gian tới.

- Đánh giá thực trạng về chất lượng sản xuất thông tin và phổ biến thông tin thống kê của ngành Thống kê, tìm hiểu nhu cầu, mong đợi của người sử dụng thông tin đối với những thông tin do ngành Thống kê biên soạn, phổ biến, cung cấp trong thời gian tới. Kết quả đánh giá này giúp ngành Thống kê có thêm cơ sở để hoàn thiện chính sách, kế hoạch sản xuất và phổ biến thông tin thống kê nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của người dùng tin.

2. Yêu cầu điều tra

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp và công bố phải thực hiện theo đúng nội dung quy định trong Phương án điều tra.

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, tiết kiệm và hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023 được tiến hành trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có văn phòng đại diện tại Việt Nam (Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh) đã và đang sử dụng hoặc có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê.

2. Đối tượng, đơn vị điều tra

Tổ chức, cá nhân đã và đang sử dụng hoặc có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê do ngành Thống kê phổ biến/cung cấp trong các cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng, đoàn thể; cơ quan thông tin đại chúng; doanh nghiệp và nhà đầu tư; cơ sở nghiên cứu, giáo dục và đào tạo; các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có Văn phòng đại diện tại Việt Nam và các đối tượng sử dụng thông tin thống kê khác.

III. LOẠI ĐIỀU TRA VÀ PHÂN BỐ MẪU ĐIỀU TRA

1. Loại điều tra

Đây là cuộc điều tra chọn mẫu với quy mô 13.280 đối tượng điều tra được chọn từ các cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng, đoàn thể; cơ quan thông tin đại chúng; doanh nghiệp và nhà đầu tư; cơ sở nghiên cứu, giáo dục và đào tạo; các đối tượng sử dụng thông tin thống kê khác trên địa bàn 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Phân bố mẫu điều tra

Trên cơ sở phân nhóm các đối tượng sử dụng thông tin và theo vị trí việc làm khác nhau như: Lãnh đạo Bộ, ngành; lãnh đạo Đảng, đoàn thể; lãnh đạo cấp tỉnh, cấp Cục, Vụ, Viện, cấp Sở, cấp huyện, cấp phòng và vị trí khác, tiến hành phân bố mẫu theo các nhóm trên một cách có chủ đích, cụ thể như sau:

** Đối với 61 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (không kể Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh): mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện 200 phiếu, cơ cấu cụ thể như sau:*

(1) Tỉnh ủy, Thành ủy; HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện **40 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo Tỉnh ủy, Thành ủy; lãnh đạo HĐND và UBND tỉnh/thành phố; Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố thực hiện 5-7 phiếu.

- Lãnh đạo và công chức Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng HĐND, UBND; Các Ban của Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố thực hiện 33-35 phiếu (Tự chọn song phải đảm bảo cơ cấu hợp lý cả về lãnh đạo và cán bộ, tỷ lệ phiếu lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo các Ban và lãnh đạo cấp Phòng tối thiểu là 50%).

(2) Lãnh đạo và công chức các Sở, ngành trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện **60 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo mỗi Sở, ngành thực hiện 2-3 phiếu.

- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức (Số phiếu công chức không quá 50% số phiếu còn lại).

(3) Lãnh đạo Huyện ủy, Quận ủy và tương đương; lãnh đạo HĐND, UBND cấp huyện; các phòng ban cấp huyện thực hiện **40 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo cấp huyện thực hiện ít nhất 6-8 phiếu.

- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức.

(4) Cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn (đài phát thanh, truyền hình; các báo, tạp chí...) thực hiện **10 phiếu**, trong đó lãnh đạo cơ quan 2-3 phiếu.

(5) Doanh nghiệp (ưu tiên chọn các doanh nghiệp có quy mô lớn) và các nhà đầu tư thuộc các loại hình kinh tế thực hiện **25 phiếu** (Đối tượng điều tra là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc doanh nghiệp).

(6) Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và dạy nghề thực hiện **10 phiếu** (Đối tượng điều tra là lãnh đạo nhà trường; giảng viên).

(7) Các đối tượng khác (giáo viên phổ thông, sinh viên...) thực hiện **15 phiếu**.

** Đối với Thành phố Hồ Chí Minh: Điều tra 330 phiếu.*

Ngoài số lượng 200 phiếu và cơ cấu giống như đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nêu ở trên, điều tra thêm 130 phiếu. Trong đó, 20 phiếu tại các học viện, các trường đại học trên địa bàn (Lãnh đạo trường đại học, học viện thực hiện 10 phiếu; giảng viên thực hiện 10 phiếu); 110 phiếu tại các doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc doanh nghiệp).

** Đối với thành phố Hà Nội: Tổng số 700 phiếu, cơ cấu như sau:*

(1) Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng; Văn phòng Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện **200 phiếu**, trong đó: 40 phiếu là

các đồng chí lãnh đạo cấp Bộ, ngành; 80 phiếu lãnh đạo cấp Vụ; 40 phiếu lãnh đạo cấp phòng và 40 phiếu công chức.

(2) Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội thực hiện **50 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo Thành ủy; lãnh đạo HĐND và UBND thành phố; Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố thực hiện 6-8 phiếu.

- Lãnh đạo và công chức Văn phòng Thành ủy; Văn phòng HĐND, UBND thành phố; các Ban của Thành ủy, HĐND, UBND, Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố thực hiện 42-44 phiếu (Tự chọn song phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa Lãnh đạo và công chức, tỷ lệ phiếu lãnh đạo Văn Phòng, lãnh đạo các Ban, lãnh đạo cấp Phòng tối thiểu 50%).

(3) Lãnh đạo và công chức các Sở, ngành của thành phố thực hiện **70 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo mỗi Sở, ngành thực hiện 2-3 phiếu.

- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức (Số phiếu công chức không quá 50% số phiếu còn lại).

(4) Lãnh đạo Huyện ủy, Quận ủy và tương đương; lãnh đạo HĐND, UBND cấp huyện; các phòng ban cấp huyện thực hiện **60 phiếu**, chia ra:

- Lãnh đạo cấp huyện thực hiện 25-30% số phiếu;

- Số còn lại phân bổ hợp lý giữa lãnh đạo các phòng ban và công chức.

(5) Cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn (đài phát thanh, đài truyền hình, các báo, tạp chí...) thực hiện **50 phiếu**, trong đó: 10-15 phiếu lãnh đạo cơ quan thông tin đại chúng.

(6) Các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty 91, Tổng công ty 90 thực hiện **40 phiếu**, trong đó: khoảng 50% phiếu lãnh đạo Tập đoàn, Tổng công ty, còn lại là lãnh đạo các phòng ban chức năng.

(7) Doanh nghiệp và các nhà đầu tư thuộc các loại hình kinh tế thực hiện **130 phiếu**, trong đó: khoảng 35% doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài; 35% doanh nghiệp Nhà nước (Các doanh nghiệp thu thập thông tin Giám đốc hoặc Phó Giám đốc).

(8) Các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp và dạy nghề thực hiện **40 phiếu**, trong đó: lãnh đạo cấp trường 20 phiếu; giảng viên 20 phiếu còn lại.

(9) Các Viện nghiên cứu thực hiện **30 phiếu**, trong đó: lãnh đạo các Viện 15 phiếu; các viên chức 15 phiếu còn lại.

(10) Các đối tượng khác (giáo viên phổ thông, sinh viên...) thực hiện **30 phiếu**.

* *Các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có Văn phòng đại diện tại Việt Nam thực hiện 50 phiếu*

Căn cứ số mẫu đã được phân bổ và cơ cấu đề cập ở trên, các Cục Thống kê tiến hành chọn và lập danh sách dự kiến đối tượng điều tra (tên, chức vụ, đơn vị công tác) gửi về Tổng cục Thống kê (Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê) trước khi tiến hành điều tra tại địa bàn.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm thu thập thông tin của các đối tượng được điều tra tính đến 31/7/2023.

2. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra thực hiện từ ngày 01/8/2023 đến 31/8/2023.

3. Phương pháp điều tra

Cuộc điều tra áp dụng phương pháp thu thập thông tin gián tiếp: Đối tượng được điều tra trả lời phiếu điều tra trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê (đối tượng điều tra được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự điền thông tin vào phiếu điều tra trực tuyến) theo đúng nội dung và thời gian quy định của Phương án điều tra.

Khi tiến hành điều tra, nếu đối tượng dự kiến điều tra vì lý do khách quan không tiếp cận được để thu thập thông tin, khi đó được thay thế bằng đối tượng khác ở vị trí và lĩnh vực tương đương (sau khi có ý kiến đồng ý của Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Tình hình sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin trong thời gian qua.

- Đánh giá mức độ hài lòng của các đối tượng dùng tin về thông tin thống kê nói chung và những sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu của ngành Thống kê như: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng; Niên giám thống kê hàng năm; trang thông tin điện tử thống kê; các báo cáo phân tích thống kê nhiều năm; số liệu các cuộc điều tra thống kê.

- Tìm hiểu nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin trong thời gian tới.

2. Phiếu điều tra

Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023 sử dụng hai loại phiếu điều tra (tiếng Việt và tiếng Anh) có nội dung giống nhau, trong đó:

- *Phiếu số 01/SDTT*: Áp dụng cho các đối tượng điều tra là người Việt Nam.

- *Phiếu số 02/SDTT*: Áp dụng cho Đại sứ quán, Tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

(Nội dung cụ thể phiếu điều tra tại Phụ lục I)

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Thông tin trên phiếu trực tuyến được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê) sau khi đối tượng điều tra hoàn thành tự điền thông tin. Dữ liệu điều tra sẽ được kiểm tra và tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung phục vụ cho công tác làm sạch, xử lý và tổng hợp các kết quả điều tra.

Cơ sở dữ liệu lưu trữ vào cơ sở dữ liệu chung.

2. Hệ thống biểu tổng hợp kết quả điều tra

Hệ thống biểu tổng hợp kết quả đầu ra gồm các biểu được phân tổ theo nội dung trả lời, giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp và vị trí công tác của đối tượng điều tra (Danh mục biểu tại Phụ lục II).

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA¹

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách
1	Xây dựng và hoàn thiện phương án điều tra	Tháng 7/2022- Tháng 3/2023	TKTH
2	Nâng cấp chương trình phần mềm điều tra, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra	Tháng 3-7/2023	TTDL
3	Chọn mẫu, lập danh sách đối tượng, đơn vị điều tra	Tháng 5-6/2023	CTK
4	In và gửi Phương án điều tra và tài liệu liên quan cho các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2023	TKTH
5	Tuyển chọn và hướng dẫn nghiệp vụ cho điều tra viên và giám sát viên	Tháng 7/2023	CTK
6	Tiến hành thu thập thông tin	Tháng 8/2023	TKTH và CTK
7	Hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện	Tháng 8/2023	TKTH
8	Tiếp nhận phiếu điều tra điện tử đã được hoàn thiện từ các Cục Thống kê về Tổng cục	Tháng 9/2023	TKTH
9	Kiểm tra thông tin các đối tượng thực hiện phiếu trực tuyến	Tháng 10/2023	CTK
10	Kiểm tra, làm sạch các phiếu điều tra	Tháng 10/2023	TKTH
11	Tổng hợp và phân tích kết quả điều tra	Tháng 11/2023	TKTH
12	Công bố kết quả điều tra	Tháng 12/2023	TKTH

¹ Các chữ viết tắt trong bảng:

TKTH: Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê.

TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

- Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức, thực hiện cuộc điều tra theo quy định trong Phương án; chịu trách nhiệm thu thập thông tin của các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế có Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thu thập thông tin của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; tổ chức, thực hiện cuộc điều tra theo Phương án điều tra và chịu trách nhiệm trước Tổng cục Thống kê về chất lượng thông tin điều tra.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí thực hiện cuộc điều tra sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước năm 2023. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra được thực hiện theo Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9, Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia, Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và các văn bản hiện hành.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, các Thủ trưởng đơn vị liên quan và Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí được cấp theo quy định nhằm bảo đảm điều kiện tốt nhất để thực hiện cuộc điều tra đúng mục đích đề ra./.

Phụ lục I



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Phiếu số: 01/SDTT
Bản tiếng Việt

Số:

**PHIẾU ĐIỀU TRA
NHU CẦU VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG
THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2023**

Thực hiện theo Quyết định số .../QĐ-TGTK ngày ... tháng ... năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành phương án điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023.

- Tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê nhà nước được quy định tại Điều 60 Luật Thống kê 2015.

- Các thông tin được cung cấp chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo luật định.

Tổng cục Thống kê kính chào Ông/Bà!

Để có cơ sở xây dựng chiến lược, chính sách và kế hoạch đẩy mạnh hoạt động sản xuất, phổ biến thông tin thống kê trong thời gian tới, Tổng cục Thống kê đề nghị Ông/Bà vui lòng cung cấp một số thông tin liên quan đến tình hình sử dụng thông tin thống kê của Ông/Bà hoặc cơ quan/tổ chức/đơn vị Ông/Bà đang công tác.

Câu hỏi 1: Xin Ông/Bà vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

Họ và tên: _____

Nam

Nữ

Năm sinh:

Nghề nghiệp/công việc chính hiện nay (Chỉ chọn một lựa chọn):

Công chức, viên chức

Giáo viên, giảng viên

Doanh nhân, nhà đầu tư

Nhà báo

Nhà nghiên cứu

Sinh viên

Nghề nghiệp khác (Ghi cụ thể: _____)

Chức vụ/vị trí làm việc (Chỉ chọn một lựa chọn):

Lãnh đạo Bộ, ngành và cấp tỉnh

Lãnh đạo Cục, Vụ, Viện và cấp Sở

Lãnh đạo cấp huyện

Lãnh đạo cấp phòng

Lãnh đạo doanh nghiệp

Vị trí khác (Ghi cụ thể: _____)

Tên cơ quan/nơi làm việc/học tập: _____

Địa chỉ:

Tỉnh/Thành phố: _____

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: _____

Xã/Phường/Thị trấn: _____

Điện thoại: _____ Email _____

Câu hỏi 2: Ông/Bà đã từng sử dụng thông tin/số liệu/sản phẩm thống kê của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện (gọi chung là ngành Thống kê) chưa?
(Chỉ chọn một lựa chọn)

- Chưa sử dụng → Chuyển tới câu 3
- Đã sử dụng → Chuyển tới câu 4
- Không nhớ
 Không trả lời } → Chuyển tới câu 48

Câu hỏi 3: Ông/Bà vui lòng cho biết lý do chưa sử dụng thông tin/số liệu của ngành Thống kê?
(Có thể chọn nhiều lựa chọn)

- Do có nguồn số liệu khác
- Do không tiếp cận được
- Do không tin tưởng
- Do chưa biết
- Do chưa có nhu cầu
- Lý do khác (Ghi cụ thể: _____) } → Chuyển tới câu 48

Câu hỏi 4: Ông/Bà cho biết những thông tin/số liệu thống kê Ông/Bà sử dụng có được từ nguồn nào?
(Chỉ chọn một lựa chọn):

- Hoàn toàn do ngành Thống kê cung cấp
- Phần lớn do ngành Thống kê cung cấp
- Từ các nguồn khác (Ghi cụ thể: _____)

Câu hỏi 5: Ông/Bà thường sử dụng thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê vào mục đích gì?
(Có thể chọn nhiều lựa chọn)

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách và phân tích, đánh giá kinh tế - xã hội phục vụ công tác chuyên môn
- Lập chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh/hộ gia đình
- Nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập
- Mục đích khác (Ghi cụ thể: _____)

Câu hỏi 6: Thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê có tác dụng như thế nào đối với công việc của Ông/Bà? *(Chỉ chọn một lựa chọn):*

- Rất có tác dụng
- Có tác dụng
- Ít có tác dụng
- Không có tác dụng

Câu hỏi 7: Ông/Bà sử dụng thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê với tần suất nào? *(Chỉ chọn một lựa chọn):*

- Hàng ngày
- Hàng tuần
- Hàng tháng
- Hàng quý
- Hàng năm
- Khi cần thì sử dụng, không theo định kỳ thường xuyên

Câu hỏi 8: Ông/Bà đánh giá như thế nào về hoạt động phổ biến/cung cấp thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê trong những năm gần đây? *(Chỉ chọn một lựa chọn):*

- Đã được tăng cường
- Không thay đổi
- Giảm sút
- Không biết

Câu hỏi 9: Ông/Bà cho biết việc phổ biến/cung cấp thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê hiện nay đã bảo đảm bình đẳng đối với tất cả đối tượng sử dụng thông tin thống kê không? *(Chỉ chọn một lựa chọn):*

- Bình đẳng
- Tương đối bình đẳng
- Chưa bình đẳng
- Không biết

Câu hỏi 10: Ông/Bà đánh giá như thế nào về khả năng tiếp cận thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê hiện nay? *(Chỉ chọn một lựa chọn):*

- Dễ dàng
- Tương đối dễ dàng
- Khó khăn
- Không biết

Câu hỏi 11: Ông/Bà đánh giá như thế nào về tính kịp thời của thông tin/số liệu thống kê mà ngành Thống kê đã phổ biến/cung cấp? (*Chỉ chọn một lựa chọn*):

- Rất kịp thời
- Tương đối kịp thời
- Chưa kịp thời
- Không biết

Câu hỏi 12: Ông/Bà đánh giá như thế nào về tính đầy đủ của thông tin/số liệu thống kê mà ngành Thống kê đã phổ biến/cung cấp? (*Chỉ chọn một lựa chọn*):

- Đầy đủ
- Tương đối đầy đủ
- Chưa đầy đủ
- Không biết

Câu hỏi 13: Ông/Bà đánh giá như thế nào về độ tin cậy của thông tin/số liệu thống kê mà ngành Thống kê đã phổ biến/cung cấp? (*Chỉ chọn một lựa chọn*):

- Tin cậy
- Tương đối tin cậy
- Ít tin cậy
- Chưa tin cậy

Câu hỏi 14: Ông/Bà có hài lòng với việc phổ biến/cung cấp thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê hiện nay không? (*Chỉ chọn một lựa chọn*):

- Hài lòng
- Tương đối hài lòng
- Chưa hài lòng

Câu hỏi 15: Ông/Bà có biết **Lịch phổ biến thông tin thống kê** của ngành Thống kê không?

- Có
- Không → *Chuyển tới câu 18*

Câu hỏi 16: Ông/Bà đánh giá thế nào về mức độ quan trọng của việc công khai **Lịch phổ biến thông tin thống kê** hàng năm của ngành Thống kê? (*Chỉ chọn một lựa chọn*):

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Ít quan trọng
- Không quan trọng

Câu hỏi 17: Ông/Bà thấy **Lịch phổ biến thông tin thống kê** có đầy đủ những thông tin liên quan mà Ông/Bà cần không? (*Chỉ chọn một lựa chọn*):

- Đầy đủ
- Tương đối đầy đủ
- Chưa đầy đủ
- Không biết

Câu hỏi 18: Ông/Bà có biết/sử dụng **Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng** của ngành Thống kê không?

Có

Không → Chuyển tới câu 23

Câu hỏi 19: Ông/Bà sử dụng **Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng** của ngành Thống kê với tần suất nào? (Chỉ chọn một lựa chọn):

Thường xuyên

Không thường xuyên

Rất ít sử dụng

Chưa sử dụng → Chuyển tới câu 23

Câu hỏi 20: Ông/Bà có hài lòng khi sử dụng **Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng** của ngành Thống kê không? (Chỉ chọn một lựa chọn):

Hài lòng

Tương đối hài lòng

Chưa hài lòng

Câu hỏi 21: Ông/Bà vui lòng đánh giá một số khía cạnh liên quan đến **Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng** của ngành Thống kê đã thoả mãn yêu cầu của người sử dụng ở mức độ nào?

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Nội dung phong phú, đầy đủ các vấn đề xã hội quan tâm	○	○	○	○	○
Thông tin phản ánh chính xác tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương	○	○	○	○	○
Hình thức trình bày khoa học, dễ theo dõi (Bảng biểu, đồ thị, hình ảnh hóa dữ liệu...)	○	○	○	○	○
Thời gian công bố, phổ biến kịp thời	○	○	○	○	○

Câu hỏi 22: Ông/Bà có góp ý thêm để **Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng** của ngành Thống kê ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng?

Có (Ghi cụ thể: _____)

Không

Câu hỏi 23: Ông/Bà có biết/sử dụng **Niên giám thống kê** của ngành Thống kê không?

Có

Không → Chuyển tới câu 28

Câu hỏi 24: Ông/Bà sử dụng *Niên giám thống kê* của ngành Thống kê với tần suất nào?

(Chỉ chọn một lựa chọn):

- Thường xuyên
 Không thường xuyên
 Rất ít sử dụng
 Chưa sử dụng → Chuyển tới câu 28

Câu hỏi 25: Ông/Bà có hài lòng khi sử dụng *Niên giám thống kê* của ngành Thống kê không?

(Chỉ chọn một lựa chọn):

- Hài lòng
 Tương đối hài lòng
 Chưa hài lòng

Câu hỏi 26: Ông/Bà vui lòng đánh giá một số khía cạnh liên quan đến *Niên giám thống kê* của ngành Thống kê đã thoả mãn yêu cầu của người sử dụng ở mức độ nào?

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Giải thích thuật ngữ, nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đầy đủ, dễ hiểu	○	○	○	○	○
Thông tin phong phú, đa dạng, phân tổ chi tiết, phản ánh tương đối đầy đủ các lĩnh vực kinh tế - xã hội	○	○	○	○	○
Số liệu chính xác, phản ánh đúng thực trạng ngành, lĩnh vực	○	○	○	○	○
Hình thức trình bày khoa học, dễ hiểu, dễ theo dõi (Bảng biểu, đồ thị, hình ảnh hóa dữ liệu...)	○	○	○	○	○
Thời gian công bố, phổ biến kịp thời	○	○	○	○	○

Câu hỏi 27: Ông/Bà có góp ý thêm để *Niên giám Thống kê* ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng?

- Có (Ghi cụ thể: _____)
 Không

Câu hỏi 28: Ông/Bà có biết/sử dụng các *ấn phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế - xã hội nhiều năm* (3 năm, 5 năm, 10 năm...) của ngành Thống kê không?

- Có
 Không → Chuyển tới câu 33

Câu hỏi 29: Ông/Bà sử dụng các **án phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế - xã hội nhiều năm** (3 năm, 5 năm, 10 năm...) của ngành Thống kê với tần suất nào? (Chỉ chọn một lựa chọn):

- Thường xuyên
 Không thường xuyên
 Rất ít sử dụng
 Chưa sử dụng —————> Chuyển tới câu 33

Câu hỏi 30: Ông/Bà có hài lòng khi sử dụng các **án phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế - xã hội nhiều năm** (3 năm, 5 năm, 10 năm...) của ngành Thống kê không? (Chỉ chọn một lựa chọn):

- Hài lòng
 Tương đối hài lòng
 Chưa hài lòng

Câu hỏi 31: Ông/Bà vui lòng đánh giá một số khía cạnh liên quan đến **án phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế - xã hội nhiều năm** (3 năm, 5 năm, 10 năm...) của ngành Thống kê đã thoả mãn yêu cầu của người sử dụng ở mức độ nào?

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Nội dung phân tích đầy đủ, phong phú, phản ánh những vấn đề người dùng tin quan tâm	○	○	○	○	○
Phân tích, đánh giá cụ thể, chính xác thực trạng tình hình kinh tế - xã hội	○	○	○	○	○
Hình thức trình bày khoa học, dễ hiểu, dễ theo dõi (bảng biểu, đồ thị, hình ảnh hóa dữ liệu...)	○	○	○	○	○
Sử dụng những công cụ phân tích, dự báo hiện đại, khoa học và tin cậy	○	○	○	○	○
Thời gian phổ biến kịp thời	○	○	○	○	○

Câu hỏi 32: Ông/Bà có góp ý thêm để **án phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế - xã hội nhiều năm** (3 năm, 5 năm, 10 năm...) ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng?

- Có (Ghi cụ thể: _____)
 Không

Câu hỏi 33: Ông/Bà có biết/sử dụng **Kết quả các cuộc điều tra/Tổng điều tra** do ngành Thống kê thực hiện không?

- Có
 Không —————> Chuyển tới câu 37

Câu hỏi 34: Ông/Bà sử dụng *Kết quả các cuộc điều tra/Tổng điều tra* do ngành Thống kê thực hiện với tần suất nào? (Chỉ chọn một lựa chọn):

- Thường xuyên
 Không thường xuyên
 Rất ít sử dụng
 Chưa sử dụng —————> Chuyển tới câu 37

Câu hỏi 35: Ông/Bà có biết/sử dụng *Kết quả các cuộc điều tra/Tổng điều tra* nào dưới đây và vui lòng đánh giá một số khía cạnh liên quan đến *Kết quả các cuộc điều tra/Tổng điều tra* của ngành Thống kê đã thoả mãn nhu cầu của người sử dụng ở mức độ nào?

Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

Tổng điều tra Kinh tế năm 2021

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

Điều tra Nông thôn, Nông nghiệp giữa kỳ năm 2020

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

Điều tra doanh nghiệp

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

 Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

 Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

 Điều tra lao động và việc làm

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

Khảo sát mức sống dân cư

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin	○	○	○	○	○
Phản ánh chính xác thực trạng ngành/ lĩnh vực điều tra	○	○	○	○	○
Thời gian công bố kịp thời	○	○	○	○	○

 Khác (Ghi cụ thể: _____)

Câu hỏi 36: Ông/Bà có góp ý thêm để *Kết quả các cuộc điều tra/Tổng điều tra* ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng?

Có (Ghi cụ thể: _____)

Không

Câu hỏi 37: Ông/Bà có biết *Trang thông tin điện tử (Website) của Tổng cục Thống kê* không?
(Địa chỉ truy cập: <https://www.gso.gov.vn>)

Có

Không —————> *Chuyển tới câu 42*

Câu hỏi 38: Ông/Bà truy cập *Website của Tổng cục Thống kê* với tần suất nào?

(Chỉ chọn một lựa chọn):

Hàng ngày

Một số lần trong tuần

Một số lần trong tháng

Ít truy cập

Mới truy cập duy nhất 1 lần

Chưa truy cập —————> *Chuyển tới câu 42*

Câu hỏi 39: Ông/Bà có hài lòng khi truy cập *Website của Tổng cục Thống kê* không?

(Chỉ chọn một lựa chọn):

Hài lòng

Tương đối hài lòng

Chưa hài lòng

Câu hỏi 40: Ông/Bà vui lòng đánh giá một số khía cạnh liên quan đến *Website của Tổng cục Thống kê* đã thoả mãn yêu cầu của người sử dụng ở mức độ nào?

	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Giao diện thân thiện, có tính thẩm mỹ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Bố cục hợp lý, dễ tìm kiếm thông tin	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Công cụ khai thác thông tin tiện ích và dễ sử dụng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Hoạt động ổn định, tương thích với máy tính và hầu hết các thiết bị di động	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Nội dung đa dạng, phong phú, đáp ứng đầy đủ nhu cầu người sử dụng thông tin	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Thông tin phổ biến phản ánh chính xác tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Hình thức thể hiện thông tin đa dạng, phù hợp nhu cầu của nhiều đối tượng sử dụng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Thông tin cập nhật nhanh chóng, kịp thời	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Câu hỏi 41: Ông/Bà có góp ý thêm để *Website của Tổng cục Thống kê* ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng ?

Có (Ghi cụ thể: _____)

Không

Câu hỏi 42: Ông/Bà có biết *Trang thông tin điện tử (Website) của Cục Thống kê* nơi Ông/Bà đang sinh sống/làm việc không?

Có

Không → Chuyển tới câu 48

Câu hỏi 43: Ông/Bà truy cập *Website của Cục Thống kê* với tần suất nào?

(Chỉ chọn một lựa chọn):

Hàng ngày

Một số lần trong tuần

Một số lần trong tháng

Ít truy cập

Mới truy cập duy nhất 1 lần

Chưa truy cập → Chuyển tới câu 48

Câu hỏi 49: Ông/Bà *không* hoặc *không chắc chắn* sẽ sử dụng thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê, xin vui lòng cho biết lý do:

(Có thể chọn nhiều lựa chọn)

- Tiếp cận khó khăn, phiền hà
 - Số liệu không phù hợp
 - Phổ biến/cung cấp không kịp thời
 - Số liệu không đầy đủ
 - Số liệu không tin cậy
 - Do có nguồn thông tin khác
 - Do không có nhu cầu
 - Lý do khác (Ghi cụ thể: _____)
- } → Kết thúc

Câu hỏi 50: Ông/Bà *tiếp tục* hoặc *sẽ sử dụng* thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê, xin cho biết thông tin/số liệu thống kê mà Ông/Bà mong đợi? (Có thể chọn nhiều lựa chọn)

- Số liệu vi mô
- Số liệu đã tổng hợp thành các bảng, biểu thống kê
- Các báo cáo có cả lời văn phân tích, hình ảnh và số liệu
- Khác (Ghi cụ thể: _____)

Câu hỏi 51: Ông/Bà ưa thích hình thức thể hiện số liệu thống kê nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều lựa chọn)

- Dạng văn bản
- Bảng số liệu
- Biểu đồ
- Bản đồ
- Đồ họa thông tin (infographic), video
- Hình thức khác (Ghi cụ thể: _____)

Câu hỏi 52: Ông/Bà quan tâm đến lĩnh vực nào sau đây do ngành Thống kê phổ biến? (Có thể chọn nhiều lựa chọn):

- Kinh tế tổng hợp (GDP, tăng trưởng kinh tế...)
- Lĩnh vực đầu tư, xây dựng
- Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản
- Lĩnh vực công nghiệp, doanh nghiệp
- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và giá
- Lĩnh vực dân số, lao động
- Lĩnh vực xã hội, môi trường
- Lĩnh vực khác (Ghi cụ thể: _____)

Câu hỏi 53: Ông/Bà ưa thích hình thức phổ biến/cung cấp thông tin thống kê nào dưới đây?
(Có thể chọn nhiều lựa chọn)

- Ấn phẩm in trên giấy
- Website thống kê
- Hợp báo và ra thông cáo báo chí
- Điện thoại, email
- Vật mang (truyền) tin (USB, ổ cứng di động, CD-ROM...).
- Thư viện trong đó có máy tính cài đặt số liệu thống kê để người sử dụng thông tin đến tra cứu
- Mạng xã hội
- Khác (Ghi cụ thể: _____)

Câu hỏi 54: Ông/Bà có ý kiến góp ý thêm đối với ngành Thống kê để công tác thống kê ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng thông tin thống kê không?

- Có (Ghi cụ thể: _____)
- Không

Xin chân thành cảm ơn Ông/Bà!

Phụ lục II
HỆ THỐNG BIỂU TỔNG HỢP
ĐIỀU TRA NHU CẦU VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG
THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2023

1. Tình hình sử dụng thông tin thống kê trong thời gian qua
2. Nguyên nhân các đối tượng điều tra chưa sử dụng thông tin thống kê
3. Số đối tượng đã sử dụng thông tin thống kê phân theo nguồn cung cấp
4. Số đối tượng điều tra đã sử dụng thông tin thống kê theo mục đích sử dụng
5. Đánh giá về tác dụng của thông tin thống kê
6. Tần suất sử dụng thông tin thống kê
7. Đánh giá của các đối tượng điều tra về hoạt động phổ biến/cung cấp thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê
8. Mức độ bảo đảm bình đẳng trong việc phổ biến/cung cấp thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê hiện nay đối với các đối tượng sử dụng thông tin thống kê
9. Khả năng tiếp cận thông tin/số liệu thống kê
10. Tính kịp thời của thông tin/số liệu thống kê
11. Tính đầy đủ của thông tin/số liệu thống kê
12. Độ tin cậy của thông tin/số liệu thống kê
13. Mức độ hài lòng trong việc phổ biến/cung cấp thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê hiện nay
14. Mức độ biết về Lịch phổ biến thông tin thống kê
15. Đánh giá mức độ quan trọng của việc công khai Lịch phổ biến thông tin thống kê
16. Tính đầy đủ thông tin của Lịch phổ biến thông tin thống kê
17. Mức độ biết về Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội hàng tháng
18. Tần suất sử dụng Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội hàng tháng
19. Mức độ hài lòng đối với Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội hàng tháng
20. Đánh giá mức độ thỏa mãn đối với một số khía cạnh liên quan đến Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội hàng tháng
21. Mức độ biết về Niên giám Thống kê của ngành Thống kê
22. Tần suất sử dụng Niên giám Thống kê
23. Mức độ hài lòng đối với Niên giám Thống kê
24. Đánh giá mức độ thỏa mãn đối với một số khía cạnh liên quan đến Niên giám Thống kê
25. Mức độ biết về các ấn phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế-xã hội nhiều năm
26. Tần suất sử dụng ấn phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế-xã hội nhiều năm

27. Mức độ hài lòng đối với ấn phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế-xã hội nhiều năm
28. Đánh giá mức độ thoả mãn đối với một số khía cạnh liên quan đến ấn phẩm phân tích thống kê tình hình kinh tế-xã hội nhiều năm
29. Mức độ biết về Kết quả các cuộc điều tra thống kê
30. Tần suất sử dụng Kết quả các cuộc điều tra thống kê
31. Mức độ biết cụ thể tới một số cuộc điều tra chủ yếu
32. Đánh giá mức độ thoả mãn đối với một số khía cạnh liên quan đến từng cuộc điều tra thống kê
33. Mức độ biết về Trang thông tin điện tử (Website) của Tổng cục Thống kê
34. Tần suất sử dụng Website của Tổng cục Thống kê
35. Mức độ hài lòng đối với Website của Tổng cục Thống kê
36. Đánh giá mức độ thoả mãn đối với một số khía cạnh liên quan đến Website của Tổng cục Thống kê
37. Mức độ biết về Trang thông tin điện tử (Website) của Cục Thống kê
38. Tần suất sử dụng Website của Cục Thống kê
39. Mức độ hài lòng đối với Website của Cục Thống kê
40. Đánh giá mức độ thoả mãn đối với một số khía cạnh liên quan đến Website của Cục Thống kê
41. Thiết bị truy cập Website của Tổng cục Thống kê/Cục Thống kê
42. Triển vọng sử dụng thông tin/số liệu thống kê của ngành Thống kê cung cấp/phổ biến trong thời gian tới
43. Lý do trong thời gian tới không hoặc không chắc chắn sẽ sử dụng thông tin thống kê do ngành Thống kê cung cấp/phổ biến
44. Dạng thông tin/số liệu thống kê do ngành Thống kê cung cấp/phổ biến tiếp tục hoặc sẽ sử dụng trong thời gian tới
45. Hình thức thể hiện số liệu thống kê
46. Lĩnh vực số liệu thống kê quan tâm nhất
47. Hình thức cung cấp/phổ biến thông tin thống kê ưa chuộng trong thời gian tới
48. Góp ý của các đối tượng điều tra đối với ngành Thống kê

1. Tình hình sử dụng thông tin thống kê trong thời gian vừa qua

MẪU

	Tổng số	Chia ra		
		Chưa sử dụng	Đã sử dụng	Không nhớ
Số người trả lời				

TỔNG SỐ

Phân theo giới tính

Nam

Nữ

Phân theo độ tuổi

Dưới 36

Từ 36 đến 50

Trên 50

Phân theo nghề nghiệp

Công chức, viên chức

Doanh nhân/Nhà đầu tư

Nhà báo

Nhà nghiên cứu, giảng viên, giáo viên, sinh viên

Nghề nghiệp khác

Phân theo vị trí công tác

Lãnh đạo Bộ, ngành và cấp tỉnh

Lãnh đạo Cục, Vụ, Viện và cấp Sở

Lãnh đạo cấp huyện

Lãnh đạo cấp Phòng

Lãnh đạo các doanh nghiệp

Cán bộ ĐSQ và các tổ chức quốc tế

Vị trí khác

Phân theo địa phương

Cơ cấu - %

TỔNG SỐ

Phân theo giới tính

Nam

Nữ

Phân theo độ tuổi

Dưới 36

Từ 36 đến 50

Trên 50

Phân theo nghề nghiệp

Công chức, viên chức

Doanh nhân/Nhà đầu tư

Nhà báo

Nhà nghiên cứu, giảng viên, giáo viên, sinh viên

Nghề nghiệp khác

Phân theo vị trí công tác

Lãnh đạo Bộ, ngành và cấp tỉnh

Lãnh đạo Cục, Vụ, Viện và cấp Sở

Lãnh đạo cấp huyện

Lãnh đạo cấp Phòng

Lãnh đạo các doanh nghiệp

Cán bộ ĐSQ và các tổ chức quốc tế

Vị trí khác

Phân theo địa phương

